TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA/BM: MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 201...*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:** **KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**I. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: **QUY HOẠCH** **MÔI TRƯỜNG**
* Tên tiếng Anh: **ENVIRONMENTAL PLANNING**
* Mã học phần: 212318
* Số tín chỉ: 02
* Điều kiện tham gia học tập học phần:

*Môn học tiên quyết: Luật và chính sách môi trường, Đánh giá tác động môi trường*

*Môn học trước:*

* *Bộ môn*: Quản lý môi trường
* *Khoa*: Môi trường và Tài nguyên
* Phân bố thời gian: 10 tuần
* Học kỳ: 1 (năm thứ 4)

Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cơ bản □ | | Cơ sở ngành □ | | Chuyên ngành 🗹 | |
| Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn 🗹 |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: tiếng Anh □ Tiếng Việt 🗹

**Thông tin về giảng viên:**

* Họ và tên: **Hoàng Thị Mỹ Hương**
* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Quản lý môi trường – Khoa Môi trường và Tài nguyên – Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
* Địa chỉ liên hệ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. HCM
* Điện thoại, email: htmhuong@hcmuaf.edu.vn
* Các hướng nghiên cứu chính: *Quản lý môi trường, Quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; Quản lý tài nguyên, Quy hoạch môi trường, Truyền thông môi trường…*
* Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):
  + 1. **Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp và phân tích cơ sở khoa học và phương pháp luận của quy hoạch môi trường trong bối cảnh hiện nay: vai trò, vị trí, tầm quan trọng, đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc thực hiện quy hoạch môi trường. Học phần cũng phân tích mối quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất và các công cụ quy hoạch khác với quy hoạch môi trườngnhằm cung cấp chp các nhà quản lý cấp vùng các cơ sở khoa học nhằm phát triển vùng bền vững, đảm bảo sự phát triển hài hòa, cân đối của 3 nhóm yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài ra, học phần cũng hướng dẫn nội dung và phương pháp thực hiện quy hoạch môi trường cho một vùng lãnh thổ.

* + 1. **Mục tiêu và chuẩn đầu ra**
* Mục tiêu:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể trình bày được về những vần đề cơ bản về quy hoạch bảo vệ môi trường: vai trò, vị trí, tầm quan trọng, đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc thực hiện, nội dung và phương pháp thực hiện quy hoạch môi trường và áp dụng để phối hợp và xây dựng quy hoạch môi trường cho vùng lãnh thổ.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 212503 | Quy hoạch môi trường | PLO1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PLO 14 | PLO 15 | PLO 16 |
| S | S | N | N | H | S | H | S | N | N | N | S | H | H | S | S |

Ghi chú:

*N : Không đóng góp/không liên quan*

*S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều*

*H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều*

* Chuẩn đầu ra của học phần (*theo thang đo năng đo năng lực của Bloom*):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Chuẩn đầu ra của học phần**  **Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được** | | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | | |
| CLO1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường. Phân biệt sự khác biệt giữa Quy hoạch môi trường và các công cụ quy hoạch khác. Xác định được vai trò, tầm quan trọng và vị trí của QHMT. Nhận diện được yêu cầu, đặc điểm và nguyên tắc thực hiện QHMT cũng như lợi ích của QHMT trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay. | | PLO 1, 2, 5, 6 |
| CLO 2 | Vận dụng sự phối hợp một cách có hệ thống các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện quy hoạch môi trường cho một vùng lãnh thổ. | | PLO 1, 2, 7, 8, 12, 13, 14 |
| CLO3 | Nhận diện và tuân thủ hệ thống văn bản pháp lý có liên quan đến quản lý môi trường cấp vùng. | | PLO 5, 12, 13, 14 |
| CLO 4 | Thiết lập các nội dung theo yêu cầu của Quy hoạch môi trường, đảm bảo theo đúng theo quy trình thực hiện. | | PLO 1, 2, 5, 6, 7, 8, 13, 14, 15, 16 |
| **Kĩ năng** | | | |
| CLO 5 | Tra cứu tài liệu chuyên ngành có liên quan đến quy hoạch môi trường | | PLO 7, 8, 15, 16 |
| CLO 6 | Phát triển vai trò cá nhân và làm việc nhóm, quản lý nhóm trong quá trình xây dựng báo cáo quy hoạch môi trường. Phát triển kỹ năng giao tiếp qua thư điện tử, thảo luận, phản biện và thuyết trình | | PLO 1, 2, 5, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16 |
| CLO 7 | Phân tích, đánh giá vấn đề một cách có hệ thống theo quan điểm và nguyên tắc của quy hoạch môi trường | | PLO 1, 5, 12, 13, 14 |
| CLO 8 | Vận dụng triển khai các thực hiện công tác đánh giá môi trường chiến lược trong từng địa phương cụ thể và nhận diện được các khó khăn, bất cập trong triển khai thực hiện quy hoạch môi trường | | PLO 1, 2, 5, 13, 14, 15, 16 |
| CLO 9 | Vận dụng và lựa chọn đề xuất các biện pháp quản lý môi trường hài hòa với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng vùng lãnh thổ cụ thể | | PLO 1, 2, 5, 6, 12, 13, 14, 15, 16 |
| **Thái độ và phẩm chất đạo đức** | | | |
| CLO 10 | Phát huy khả năng tự học, tự cập nhật thông tin, kiến thức, thích ứng với các điều kiện làm việc khác nhau | PLO 7, 8, 13, 14, 15, 16 | |
| CLO 11 | Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, tuân thủ pháp luật | PLO 5, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16 | |

**IV. Phương pháp giảng dạy và học tập**

1. Phương pháp giảng dạy:

* Thuyết giảng, đặt câu hỏi
* Thảo luận
* Bài tập nhóm

1. Phương pháp học tập

* Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và chuẩn bị các câu hỏi liên quan
* Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận cá nhân và thảo luận nhóm

**V. Nhiệm vụ của sinh viên**

* Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số lượng tiết giảng.
* Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan để tham gia thảo luận trong mỗi tiết giảng
* Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi và cầu thị.

**VI. Đánh giá và cho điểm**

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Matrix đánh giá CĐR của học phần (***tỷ lệ điểm**theo quy chế học vụ của trường ĐHNL TP.HCM***)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các CĐR của học phần** | **Chuyên cần** | **Bài tập nhóm/Thảo luận** | **Thi cuối kỳ**  **(50%)** |
|  | **(20%)** | **(30%)** |
| CLO1 | x | x | x |
| CLO2 | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x |
| CLO4 | x | x | x |
| CLO5 | x | x | x |
| CLO6 | x | x | x |
| CLO7 | x | x | x |
| CLO8 | x | x | x |
| CLO9 | x | x | x |
| CLO10 | x | x | x |
| CLO11 | x | x | x |

***Lưu ý:*** *Các hình thức tính điểm quá trình (chuyên cần, thuyết trình, thi giữa kỳ...) là ví dụ minh họa. GV chủ động áp dụng phương pháp đánh giá điểm quá trình và đảm bảo theo đúng quy định tại quy chế học vụ.*

**Bảng 2. Rubric đánh giá học phần**

1. **Điểm chuyên cần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | **Tỉ lệ** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
| *3 điểm* | *1 điểm* | *0 điểm* |
| Hiện diện trên lớp | 15 | Tham gia đủ 100 % buổi học | Tham gia trên từ 80 % đến dưới 100% buổi học | Tham gia dưới 80% buổi học |
| Tích cực | 15 | Thường xuyên tham gia trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi có chất lượng | Ít khi chủ động tham gia đặt/trả lời câu hỏi | Không trả lời ngay cả khi được chỉ định |

1. **Điểm thảo luận/báo cáo chuyên đề (nếu có)**

*Trong quá trình học sẽ có các chuyên đề được báo cáo, mỗi chuyên đề có khoảng 5 SV thực hiện. Sinh viên báo cáo chuyên đề sẽ được tối đa 3 điểm cộng vào điểm giữa kỳ.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ** |  | **Mức chất lượng** | |  |
| **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Dưới mức yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
| *3 điểm* | *2 điểm* | *1 điểm* | *0 điểm* |
| Nội dung | 10 | Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có nội dung mở rộng kiến thức | Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề | Trình bày không đầy đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề | Nội dung không đảm bảo hoặc quá sơ sài. |
| Hình thức, báo cáo | 5 | Cách trình bày rõ ràng, đầy đủ, dễ hiểu, có sáng tạo, thu hút sự chú ý lắng nghe | Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu. | Trình bày dạng đọc, nhàm chán, không tạo sự thu hút đối với người nghe | Trình bày quá sơ sài/quá dài dòng, người nghe không nắm được nội dung trình bày. |
| Trả lời câu hỏi | 10 | Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả các câu hỏi | Trả lời được 70% câu hỏi. | Trả lời được 25%- 50% câu  hỏi | Không trả lời được bất cứ câu hỏi nào |
| Làm việc nhóm | 5 | Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên | Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng | Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo | Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai sót trong nội dung trình bày. |

1. **Thi kết thúc môn học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Tỷ lệ** | **Rất tốt**  **5 điểm** | **Khá**  **4 điểm** | **Đạt yêu cầu**  **2,5 -3 điểm** | **Không đạt yêu cầu**  **< 2,5 điểm** |
| **Trình bày tự luận câu hỏi thi** | 40% | Nhớ, hiểu và trình bày vượt trội các kiến thức đã học, có khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo | Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, giải thích được các vấn đề trong một tình huống cho trước. | Nhớ nhưng không giải thích các kiến thức đã học | Không nhớ các kiến thức đã học. Phải học lại môn học |

1. **Đánh giá chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **10** | **9 - 8** | **7** | **5-6** | **4** | **3 - 0** |
| **Đánh**  **giá chung** | Hoàn thành môn học loại xuất sắc | Hoàn thành môn học ở mức tốt | Hoàn thành  môn học ở mức khá | Hoàn thành môn  học mức trung bình | Hoàn thành môn học | Không đạt |

***Lưu ý****: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng*

**VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

* + ***Sách giáo trình/Bài giảng:***

1. Giáo trình/nội dung bài giảng chính : ThS. Hoàng Thị Mỹ Hương, Bài giảng Quy hoạch Môi trường, Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, 2017.
   * ***Tài liệu tham khảo khác:***
2. Vũ Quyết Thắng - Giáo trình Quy hoạch môi trường - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003
3. Phương pháp luận Quy hoạch môi trường (Cục môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường)
4. Bộ Xây Dựng - Định hướng quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, 2012
5. Cục Môi trường - Hướng dẫn quy hoạch môi trường vùng, 2012

**VIII. Nội dung chi tiết của học phần :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/ Chương** | **Nội dung** | **CĐR chi tiết (LLOs)** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt động đánh giá** | **CĐR học phần (CLOs)** |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về quy hoạch môi trường | Nắm được các nội dung cơ bản:   * Khái niệm Quy hoạch Môi trường * Vị trí, vai trò, đặc điểm và yêu cầu * Phân biệt các công cụ quy hoạch | Thuyết giảng, thảo luận | - Chuyên cần  - Thảo luận | CLO 1, 5, 6, 7, 10 |
| 2 | Nguyên tắc QHMT | Xác định và vận dụng các nguyên tắc chung và 10 nguyên tắc cơ bản trong quy hoạch môi trường. | Thuyết giảng, thảo luận | - Chuyên cần  - Thảo luận | CLO 1, 5, 7, 10, 11 |
| 3 | Cơ sở pháp lý của QHMT | Tổng hợp và xác định hệ thống VBPL trong QHMT:  - Quốc tế  - Việt Nam: Chính sách, Luật, Nghị định, thông tư, chiến lược, … | Thuyết giảng, thảo luận | - Chuyên cần  - Thảo luận | CLO 3, 5, 6, 10, 11 |
| 4 | Nội dung quy hoạch môi trường | Hiểu, vận dụng và thực hiện các nội dung QHMT:  1. Đánh giá hiện trạng  2. Phân vùng  3. Lập bản đồ hiện trạng  4. ĐMC  5. Xác định mục tiêu, quan điểm QHMT  6. Chương trình, dự án BVMT  7. Đề xuất giải pháp thực hiện  8. Lập bản đồ QHMT  9. Kiến nghị, đề xuất | Thuyết giảng, thảo luận | - Chuyên cần  - Thảo luận | CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 |
| 5 | Quy trình thực hiện QHMT | Xây dựng và vận dụng quy trình thực hiện QHMT:  1. Thành lập nhóm  2. Chuẩn bị QH  3. Xác định mục tiêu, chỉ tiêu của QHMT  4. Xây dựng nội dung QHMT  5. Phê chuẩn QHMT  6. Thực hiện và quản lý, giám sát QHMT. | Thuyết giảng, thảo luận và bài tập nhóm | - Chuyên cần  - Thảo luận | CLO 2, 6, 7, 10, 11 |
| 6 | Báo cáo kết quả bài tập nhóm | Mỗi nhóm thực hiện báo cáo theo chủ đề vận dụng nội dung môn học vào tình hình thực tế tại một địa điểm tự chọn và trình bày kết quả trước lớp. | Báo cáo nhóm  Thảo luận | - Điểm bài tập nhóm (giữa kỳ) | CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 |

**IX. Hình thức tổ chức dạy học :**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết)** | | | | | **Tổng** |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận/BC | TH/TT | Tự học |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về QHMT | 2 | 0 | 1 |  | 5 | 3 |
| 2 | Nguyên tắc QHMT | 4 | 0 | 2 |  | 10 | 6 |
| 3 | Cơ sở pháp lý của QHMT | 2 | 0 | 1 |  | 5 | 3 |
| 4 | Nội dung quy hoạch môi trường | 3 | 1 | 2 |  | 5 | 6 |
| 5 | Quy trình thực hiện QHMT | 3 | 1 | 2 |  | 5 | 6 |
| 6 | Báo cáo kết quả bài tập nhóm | 0 | 4 | 2 |  | 5 | 6 |
| **Tổng** | | **14** | **6** | **10** |  |  | **30** |

**X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

* Phòng học, thực hành:
* Phương tiện phục vụ giảng dạy: Micro, Máy Projector

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 201..*

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**Hoàng Thị Mỹ Hương**